TOÀ ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/DS-ST
Ngày: 06/3/2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhớ

Ông Đỗ Xuân Phi.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 06/3/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thanh Khê, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2018/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 01 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 244/2018/QĐHPTST-DS ngày 06/02/2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Huỳnh Nguyên V**, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Số 07 đường P, phường S, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông **Trần Công B**, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Số 370-372 đường L, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông **Hồ Tuấn A**, sinh năm: 1978 và bà **Văn Tuyết N**, sinh năm: 1981; Cùng địa chỉ tại nhà số 206 đường N, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

+ Ông **Lê Văn V**, sinh năm 1980; Địa chỉ tại Công ty cổ phần N, đường V, phường Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Huỳnh Nguyên V yêu cầu khởi kiện như sau:

Ngày 07/11/2016 ông Huỳnh Nguyên V có cho ông Trần Công B vay số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 07/11/2016 đến ngày 07/3/2017, để đảm bảo cho khoản nợ vay trên hai bên ký kết Hợp đồng vay tiền có thế chấp tài sản là lô đất thuộc thửa đất số 584, tờ bản đồ số 7, diện tích 180m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE015100, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH00627 do UBND huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 26/8/2011 đứng tên ông Hồ Tuấn A. Sau khi ký Hợp đồng vay tiền ông Trần Công B giao cho ông Huỳnh Nguyên V các giấy tờ gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Hồ Tuấn A và Hợp đồng ủy quyền giữa bên ủy quyền là ông Hồ Tuấn A, bà Văn Tuyết N và bên nhận ủy quyền là ông Trần Công B, nội dung ủy quyền: Bên được ủy quyền có quyền quản lý diện tích đất, làm các thủ tục cho thuê, cho mượn (sửa đổi, bổ sung, chấm dứt Hợp đồng cho thuê, cho mượn) chuyển nhượng, tặng cho (sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho) toàn bộ quyền sử dụng đất của bên Ủy quyền nêu trên theo quy định của pháp luật. Căn cứ Hợp đồng ủy quyền này bên vay là ông Trần Công B hứa nếu đến thời hạn trả nợ mà ông B không trả thì ông B phải bán tài sản nêu trên của ông Hồ Tuấn A cho ông Huỳnh Nguyên V.

Căn cứ vào Hợp đồng vay tài sản thì thời hạn trả nợ là ngày 07/3/2017. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn nhưng ông Trần Công B vẫn không trả số tiền nợ cho ông Huỳnh Nguyên V nên ông V yêu cầu khởi kiện buộc ông Trần Công B phải trả cho ông Huỳnh Nguyên V số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 9%/năm kể từ ngày 08/3/2017 đến ngày xét xử là ngày 06/3/2018 là 11 tháng 26 ngày, số tiền lãi 133.500.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.633.500.000 đồng. Quá trình tố tụng Nguyên đơn có yêu cầu nếu ông B không trả số tiền trên thì phải bán lô đất đứng tên ông Hồ Tuấn A cho ông Huỳnh Nguyên V như đã cam kết trong Hợp đồng vay tiền, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay ông V không có yêu cầu gì đối với tài sản là quyền sử dụng đất đứng tên ông Hồ Tuấn A nêu trên.

Bị đơn ông Trần Công B sau khi Tòa án thông báo thụ lý ông B có ý kiến như sau: Ông thừa nhận có ký Hợp đồng vay tiền như ông V trình bày là đúng. Tuy nhiên, việc ký Hợp đồng này ông ký dùm cho ông Lê Văn V, ông V là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần N, ngoài ra, ông V còn nhờ ông B ký Hợp đồng ủy quyền giữa bên ủy quyền là ông Hồ Tuấn A, bà Văn Tuyết N và bên được ủy quyền là ông Trần Công B, hợp đồng này được Văn phòng Công chứng Hoàn Kiếm chứng nhận ngày 02/11/2016 số công chứng 3386, quyển số 34. Như vậy, ông B cho rằng việc ông ký Hợp đồng vay tiền với ông Huỳnh Nguyên V và Hợp đồng ủy quyền nêu trên là có thật, nhưng ông B không nhận số tiền 1.500.000.000 đồng từ ông V và cũng không biết ông V là ai, nay ông Huỳnh Nguyên V khởi kiện yêu cầu ông B trả số tiền 1.623.750.000 đồng

thì ông không chấp nhận trả mà ông V là người trực tiếp vay tiền thì ông V phải có trách nhiệm trả.

Quá trình tố tụng Tòa án đã đưa ông Hồ Tuấn A, bà Văn Tuyết N và ông Lê Văn V tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời đã thông báo thụ lý nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng tất cả những người liên quan đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Trần Công B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Tuấn A, bà Văn Tuyết N, ông Lê Văn V tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người liên quan.

[2]Về nội dung: Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền đề ngày 07/11/2016, xác định ông Trần Công B có vay của ông Huỳnh Nguyên V số tiền 1.500.000.000 đồng thời hạn vay từ ngày 07/11/2016 đến ngày 07/3/2017 là hoàn toàn có căn cứ. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Huỳnh Nguyên V yêu cầu ông Trần Công B phải trả cho ông số tiền 1.500.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả 9%/năm, kể từ ngày 08/3/2017 đến ngày xét xử là ngày 06/3/2018 là 11 tháng 26 ngày bằng số tiền 133.500.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.633.500.000 đồng.

[3] Đối với bị đơn ông Trần Công B sau khi Tòa án thông báo thụ lý ông B có ý kiến ông thừa nhận có ký Hợp đồng vay tiền như ông V trình bày là đúng. Tuy nhiên, việc ký Hợp đồng này ông ký dùm cho ông Lê Văn V, ông V là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần N, ngoài ra ông V còn nhờ ông B ký Hợp đồng ủy quyền giữa bên ủy quyền là ông Hồ Tuấn A, bà Văn Tuyết N và bên được ủy quyền là ông Trần Công B, hợp đồng này được Văn phòng Công chứng Hoàn Kiếm chứng nhận ngày 02/11/2016 số công chứng 3386, quyển số 34 và việc ông ký Hợp đồng vay tài sản của ông Huỳnh Nguyên V và Hợp đồng ủy quyền nêu trên là có thật, nhưng ông không nhận số tiền 1.500.000.000 đồng từ ông V, nay ông V khởi kiện yêu cầu ông phải trả số tiền cả gốc và lãi là 1.623.750.000 đồng và nếu không trả thì phải bán tài sản là quyền

sử dụng đất của ông Hồ Tuấn A cho ông Huỳnh Nguyên V thì ông không chấp nhận mà ông V là người trực tiếp vay tiền thì ông V phải có trách nhiệm trả.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Tuấn A, bà Văn Tuyết N và ông Lê Văn V Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng tất cả những người liên quan đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét ý kiến của người liên quan.

[4] Xét yêu cầu của Nguyên đơn và ý kiến của bị đơn thì thấy: Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền đề ngày 07/11/2016 được ký kết giữa bên cho vay là ông Huỳnh Nguyên V và bên vay là ông Trần Công B xác định ông Trần Công B có vay ông Huỳnh Nguyên V số tiền 1.500.000.000 đồng và theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng thì ông Trần Công B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015 yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của ông Huỳnh Nguyên V đối với ông Trần Công B là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, buộc ông Trần Công B phải trả cho ông Huỳnh Nguyên V số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng.

Về lãi suất theo Hợp đồng vay tài sản hai bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất nên lãi suất được tính căn cứ vào khoản 2 của Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468. Tuy nhiên, Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất theo Hợp đồng vay mà chỉ yêu cầu tính lãi suất chậm trả khi đã quá hạn Hợp đồng kể từ ngày 08/3/2017 đến ngày xét xử ngày 06/3/2018 là 11 tháng 26 ngày, với mức lãi suất 9%/năm là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Cụ thể lãi suất được tính như sau: Ngày đến hạn Hợp đồng vay là ngày 07/3/2017 nên ngày quá hạn bắt đầu được tính từ ngày 08/3/2017 đến ngày xét xử ngày 06/3/2018 là 11 tháng 26 ngày.

Lãi suất tháng được tính: 9%/năm : 12 tháng = 0,75%/tháng. 1.500.000.000 đồng x 0,75% x 11 tháng = 123.750.000 đồng.

Lãi suất ngày được tính: 0,75% : 30 ngày = 0,025%/ngày. 1.500.000.000 đồng x 0,025% x 26 ngày = 9.750.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi buộc Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn là 1.633.500.000 đồng.

Ý kiến bị đơn cho rằng việc ký Hợp đồng vay tài sản nêu trên ông Trần Công B ký dùm cho ông Lê Văn V, ông V là người nhận tiền thì ông V phải có trách nhiệm trả. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Lê Văn V nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của Nguyên đơn cũng như ý kiến của bị đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét ý kiến của người liên quan ông V.

Ngoài chứng cứ là Hợp đồng vay tài sản nêu trên thì ông B không có chứng cứ nào khác cho rằng ông Lê Văn V là người nhận tiền vay từ ông Huỳnh Nguyên V nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị đơn, nếu sau này ông Trần Công B có yêu cầu ông Lê Văn V trả số tiền nêu trên thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Quá trình tố tụng, Nguyên đơn ông Huỳnh Nguyên V có yêu cầu nếu ông B không trả số tiền nợ nêu trên thì phải bán lô đất đứng tên ông Hồ Tuấn A cho ông như đã cam kết trong Hợp đồng vay tiền, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay ông V không có yêu cầu gì đối với tài sản là quyền sử dụng đất đứng tên ông Hồ Tuấn A nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông Trần Công B phải chịu trên số tiền phải trả: 1.633.500.000 đồng = 61.005.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Huỳnh Nguyên V số tiền: 30.356.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 7494 ngày 02 tháng 10 năm 2017.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của Nguyên đơn ông Huỳnh Nguyên V đối với bị đơn ông Trần Công B.

2. Xử: Buộc ông Trần Công B phải trả cho ông Huỳnh Nguyên V số tiền: 1.633.500.000 đồng (Một tỷ sáu trăm ba mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng), trong đó tiền nợ gốc: 1.500.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 133.500.000 đồng (lãi tính từ ngày 08/3/2017 đến ngày 06/3/2018).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 61.005.000 đồng (Sáu mươi mốt triệu không trăm lẻ năm ngàn đồng) ông Trần Công B phải chịu.

Hoàn trả cho ông Huỳnh Nguyên V số tiền: 30.356.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 7494 ngày 02 tháng 10 năm 2017.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Người tham gia tố tụng;
- Viện KSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hằng